

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả thực hiện về THTK, CLP năm 2019 như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ

a) Quán triệt Nghị quyết số 01/NQ - CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 với phương châm hành động của Chính phủ là “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bút phá, hiệu quả”, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là Bộ LĐTĐBXH) ban hành Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2019 tại Quyết định số 98/QĐ-LĐTĐBXH ngày 18/01/2019 cụ thể hóa Nghị quyết số 01/NQ-CP, trong đó xác định trọng tâm chỉ đạo, điều hành là: “Tiếp tục hoàn thiện, phát triển thị trường lao động nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; từng bước cải thiện, nâng cao đời sống của người có công, người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội”. Kết quả năm 2019, đã hoàn thành 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, một số chỉ tiêu kết quả, cụ thể:

- Bộ đã hoàn thành 03 chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao: (1) Tính chung cả năm 2019, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị khoảng 3,12%; (2) tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 62%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 24%; (3) tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) giảm khoảng 1,3% so với cuối năm 2018; riêng các huyện nghèo giảm gần 5%.

- Hoàn thành 100% các đề án trong Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đảm bảo chất lượng, tiến độ, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, góp phần hoàn thành toàn

diện 12 chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được giao. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ của ngành đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống người có công, đối tượng chính sách xã hội được cải thiện và từng bước được nâng lên; giảm nghèo đi vào thực chất hơn với các hoạt động thiết thực, đảm bảo “không để ai bị bỏ lại phía sau”; thành tích giảm nghèo của Việt Nam tiếp tục là một điểm sáng, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao; công tác người cao tuổi; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm chỉ đạo... góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, bảo đảm an toàn, trật tự xã hội.

b) Phối hợp với các tổ chức đoàn thể (công đoàn, đoàn thanh niên) tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đặc biệt tư tưởng của Bác về THPT, CLP.

c) Các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH đã thực hiện tổ chức tuyên truyền, thực hiện việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong hoạt động chuyên môn thường xuyên của đơn vị mình như xây dựng dự toán kinh phí chặt chẽ, phê duyệt quyết toán đúng quy định; lồng ghép, phối hợp các hoạt động thường xuyên với các hoạt động dự án, chương trình viện trợ nhằm đảm bảo hiệu quả về công tác chuyên môn, đúng tiến độ công việc và hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

d) Đôn đốc triển khai đến đơn vị dự toán thực hiện nghiêm các nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2019 tại Công văn số 5054/LĐTBXH-KHTC ngày 26/11/2019 của Bộ LĐTBXH.

e) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả bằng Chương trình hành động số 400-CTr/BCS ngày 29/3/2018 của Ban cán sự Đảng bộ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1155/QĐ-LĐTBXH ngày 05/9/2018 về kế hoạch của Bộ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW, Nghị quyết số 56/2017/QH14, Nghị quyết số 08/NQ-QH; Nghị quyết số 10/NQ-CP và Chương trình hành động số 400-CTr/BCS của Ban cán sự.

k) Đẩy mạnh việc thực hiện cải cách hành chính, tin học hóa quản lý nhà nước, thực hiện chính phủ điện tử, chính quyền điện tử, đổi mới phương thức làm việc, giảm hội họp, giảm giấy tờ hành chính, đáp ứng các điều kiện cần thiết khác cho công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (đang thẩm định Đề án UDCNTT và chủ trương dự án UDCNTT trong quản lý Bảo hiểm thất nghiệp tại Cục Việc làm, tiếp tục các bước tiếp theo UDCNTT trong quản lý Giáo dục nghề nghiệp theo dự án được phê duyệt tại Quyết định số 1970/QĐ-LĐTBXH ngày 22/12/2017, tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ và ứng dụng CNTT trong quản lý hồ sơ NCC với cách mạng tại địa phương; phê duyệt Báo cáo đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Xây dựng ứng dụng kết nối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài tại Quyết định số 472/QĐ-LĐTBXH...). Tiếp tục thực hiện Quyết định số 992/QĐ-LĐTBXH ngày 01/08/2018 về việc ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của Bộ triển khai xây dựng giai đoạn 2018-2019 (trong năm 2019 đã cung cấp thủ tục hành chính trực tuyến cấp độ 3, 04 thủ tục cấp độ 4)



g) Tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn, chế độ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công và đánh giá THTK, CLP. Xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn định mức sử dụng tài sản công tại các đơn vị thuộc Bộ, nhất là tài sản chuyên dùng, thực hiện phương thức mua sắm tập trung tài sản, đấu thầu qua mạng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, công khai kết quả xử lý lãng phí theo quy định của pháp luật (ban hành Quyết định số 1813/QĐ-LĐTBXH ngày 04/12/2019 về hao mòn tài sản cố định, bổ sung danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản, máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 1015/QĐ-LĐTBXH ngày 19/7/2019 và Quyết định số 1288/QĐ-LĐTBXH ngày 11/9/2019).

h) Tiếp tục kế hoạch thoái vốn tại các doanh nghiệp thuộc Bộ theo lộ trình quy định của Chính phủ, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn nhà nước, không xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành xây dựng và tổ chức thực hiện

a) Thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội khóa 13; Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019, Bộ LĐTBXH đã ban hành Quyết định số 411/QĐ-LĐTBXH ngày 25/3/2019 về việc ban hành Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2019 của Bộ LĐTBXH, trong đó yêu cầu các đơn vị thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải tiến hành thường xuyên, liên tục mọi lúc, mọi nơi, đồng thời phải được tiến hành đồng bộ với các hoạt động phòng chống tham nhũng, triệt để tiết kiệm chi ngân sách, lồng ghép chính sách. Xây dựng kế hoạch, dự toán trên cơ sở chế độ tiêu chuẩn, định mức chi của nhà nước cho những công việc thực sự cần thiết, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các khoản chi để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Đồng thời có các văn bản đôn đốc, chấn chỉnh thực hiện các quy định của Pháp luật về THTK, CLP tại Công văn số 5670/LĐTBXH-KHTC ngày 25/12/2019 về báo cáo THTK, CLP năm 2019.

b) Triển khai đầy đủ, kịp thời các quy định về quản lý tài chính, tài sản công chặt chẽ, hiệu quả. Kịp thời chấn chỉnh đơn vị nghiêm túc thực hiện tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chi hoạt động bộ máy quản lý nhà nước. Ban hành quy định phân cấp quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng tạo sự chủ động cho đơn vị trong công tác quản lý. Thực hiện mua sắm tài sản tập trung cấp Bộ, hướng dẫn những vướng mắc trong quá trình thực hiện, qua đó đã tiết kiệm thời gian thẩm định, phê duyệt cũng như tiết kiệm kinh phí mua sắm. Đổi mới phương thức xét duyệt, thẩm định quyết toán năm đối với đơn vị trực thuộc theo hướng kiểm tra, xét duyệt việc sử dụng kinh phí gắn với kết quả, sản phẩm đầu ra của việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

c) Tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực của ngành LĐTBXH làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công (trong năm 2019 đã dự thảo Thông tư quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, xin ý kiến Bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố tại Công văn số 4917/LĐTBXH-TCGDNN, ban hành

định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp tại Thông tư số 24, 25/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2019; phê duyệt kế hoạch xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật ngành áp dụng đối với hoạt động tổ chức đào tạo tiếng anh và kế hoạch điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng đối với hoạt động tổ chức đào tạo tiếng Trung, Hàn, Nhật, cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Quyết định số 418/QĐ-LĐTBXH ngày 25/3/2019...).

3. Công tác thanh tra, kiểm tra về Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Thực hiện kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với tất cả các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và đơn vị sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng cùng với công tác xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách năm, lồng ghép công tác kiểm tra cải cách hành chính với kiểm tra công tác THTK, CLP (trong năm 2019 đã thực hiện kiểm tra 08 đơn vị thuộc Bộ).

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

a) Công tác xây dựng pháp luật được chú trọng, trong năm 2018 đã hoàn thành 100% kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (20 đề án gồm: 01 Bộ luật, 01 Pháp lệnh, 08 Nghị định, 06 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 01 báo cáo tổng kết Chỉ thị của Trung ương, 01 Báo cáo tổng kết Nghị quyết của Bộ Chính trị và trình gia nhập 02 Công ước quốc tế ; đã biểu quyết thông qua 01 Bộ luật, ban hành 01 Nghị quyết gia nhập Công ước; Ban Bí thư đã ban hành 01 Chỉ thị; Chủ tịch nước Ban hành 01 Quyết định gia nhập Công ước; Chính phủ đã ban hành 04 Nghị định; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 03 Quyết định). Ngoài ra, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng, trình Quốc hội Hồ sơ đề nghị xây dựng luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sửa đổi) và đã được Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9 và thông qua tại kỳ họp thứ 10. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhìn chung đảm bảo chất lượng, đúng thẩm quyền, trình tự, tiến độ theo kế hoạch đề ra, góp phần hoàn thiện thể chế lao động, người có công và xã hội, giảm thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho đơn vị, tạo nền tảng pháp lý cho thực hiện chính sách an sinh xã hội, sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Bộ đã có các nhiều văn bản chỉ đạo các đơn vị rà soát các văn bản đã ban hành về định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong sử dụng ngân sách, vốn, tài sản nhà nước, thời gian lao động trong khu vực nhà nước. Căn cứ kết quả rà soát các văn bản, các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ... các quy định chưa phù hợp với tình hình thực tế Bộ LĐTBXH đã yêu cầu các đơn vị sửa đổi cho phù hợp làm cơ sở thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đồng thời tiếp tục rà soát hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình, đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả:

- Thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức của nhà nước như: Diện tích trụ sở làm việc hiện có của Bộ LĐTBXH là 191.745,50 m² đảm bảo bằng và thấp hơn tiêu chuẩn, định mức quy định của nhà nước tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ; tổng số biên chế tại các cơ quan, tổ chức hành chính của Bộ LĐTBXH hiện nay là 710 người bằng với số lượng biên chế được giao tại

Quyết định số 1895/QĐ-BNV ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành, ban hành bổ sung danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản, máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định 1015/QĐ-LĐTBXH ngày 19/7/2019 và Quyết định số 1288/QĐ-LĐTBXH ngày 11/9/2019; Ban hành danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính áp dụng trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 1813/QĐ-LĐTBXH ngày 04/12/2019..., tổ chức tập huấn công tác quản lý tài chính - tài sản cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

- Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp tài sản (nhà, đất, xe ô tô, máy móc, thiết bị khác) theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, đề xuất xin ý kiến Bộ Tài chính về phương án sắp xếp, xử lý nhà đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần và doanh nghiệp thoái vốn theo lộ trình của Chính phủ (Công văn số 2736/LĐTBXH-KHHC ngày 10/7/2019 về việc yêu cầu rà soát, điều chỉnh số liệu, bổ sung hồ sơ, sắp xếp lại, xử lý, quản lý và sử dụng nhà đất, công trình, tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; Công văn số 605/LĐTBXH-KHHC ngày 15/02/2019 về việc đôn đốc báo cáo kết quả thực hiện rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, công trình khác gắn liền với đất, xe ô tô...).

c) Qua công tác thẩm định phê duyệt mua sắm tài sản hằng năm Bộ LĐTBXH yêu cầu các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thực hiện đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng về trang thiết bị văn phòng cho các chức danh và phòng làm việc của chức danh đảm bảo tối đa không vượt quá định mức, tiêu chuẩn quy định tại Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Qua công tác thẩm định, xét duyệt, kiểm tra việc thực hiện chế độ, định mức tiêu chuẩn, về cơ bản các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ LĐTBXH đã thực hiện đầy đủ theo quy định hiện hành của pháp luật (kết quả, số liệu chi tiết nêu tại mục 2, 3, 4, 5, 6, 7 phần II báo cáo này).

e) Thí điểm đổi mới phương thức chi trả trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng qua hệ thống Bưu điện (tại 20 địa phương) đã tách bạch công tác quản lý và công tác chi trả, nâng cao tính minh bạch trong quản lý ngân sách. Bộ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng, trên cơ sở đó triển



khai thực hiện tới các địa phương, đảm bảo việc chi trả trợ cấp kịp thời, đúng định mức, chế độ quy định, không thất thoát ngân sách nhà nước.

2. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

a) Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán:

- Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 đã hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và Sở LĐT BXH các tỉnh, thành phố xây dựng dự toán ngân sách năm 2019 đảm bảo các nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các đơn vị dự toán trực thuộc xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm cùng thời điểm xây dựng dự toán hàng năm dựa trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chí, tiêu chuẩn, kết quả, chất lượng hoạt động và theo nhiệm vụ, gắn với kết quả sản phẩm đầu ra. Đồng thời có văn bản chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về NSNN theo Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 08/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 4956/LĐT BXH-KHTC ngày 22/11/2018. Bộ đã tổ chức thảo luận ngân sách với các đơn vị trực thuộc trước khi tổng hợp gửi Bộ Tài chính, trong đó rà soát, căn cứ vào dự kiến khối lượng công việc và các định mức hiện hành cân đối cắt giảm dự toán đối với các nội dung thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên, đồng thời lồng ghép các nội dung có cùng tính chất, cắt giảm các nội dung kinh phí hội nghị, hội thảo khi chưa thực sự cần thiết...nhằm tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.

- Trong phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước: Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Quyết định số 2330/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 và Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã dự kiến phân bổ dự toán Ngân sách nhà nước năm 2019 đảm bảo yêu cầu khớp đúng về tổng mức, chi tiết các loại khoản theo hướng dẫn, gửi Bộ Tài chính thẩm định đảm bảo đúng chế độ, định mức và dự toán được giao theo quy định. Thực hiện giao dự toán cho đơn vị theo đúng dự toán đã được Bộ Tài chính thẩm định.

b) Tiết kiệm trong sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước

- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, đúng chế độ, nâng cao hiệu quả sử dụng. Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi, giảm tối đa các khoản chi hội nghị, hội thảo, khánh tiết, lễ hội, động thổ, khởi công, nghiên cứu, khảo sát tại nước ngoài và mua xe ô tô công (chi tiết số liệu tại phụ lục đính kèm). Đẩy mạnh kiểm tra, xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách năm tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, qua quyết toán đã kiến nghị loại khỏi quyết toán, thu hồi nộp ngân sách nhà nước 342 triệu đồng

- Qua báo cáo của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ LĐT BXH, tiết kiệm chi năm 2019 từ các nguồn kinh phí thuộc Bộ LĐT BXH là 21.522,71 triệu đồng, trong đó:

+ Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước 17.856,61 triệu đồng.

+ Tiết kiệm trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước 3.666,10 triệu đồng.

(chi tiết theo phụ lục kèm theo)

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, quản lý tài sản, trang thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước.

a) Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành và các văn bản liên quan, Bộ đã triển khai mua sắm tài sản tập trung trong năm 2019, bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ và tiết kiệm, hiệu quả; tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp tài sản (nhà, đất, xe ô tô...) để xử lý theo quy định, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch, tránh thất thoát, lãng phí.

b) Triển khai mua sắm tập trung tài sản cấp Bộ đã giúp đơn vị tiết kiệm thời gian, chi phí, tăng tính minh bạch trong sử dụng ngân sách, mua sắm tài sản. Kết quả công tác đấu thầu mua sắm mua sắm, sửa chữa tài sản; nâng cấp, cải tạo, bảo trì công trình xây dựng năm 2019 từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của 40 đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH đã tăng dự phòng kinh phí 13.718 triệu đồng và tiết kiệm số tiền 10.003,9 triệu đồng, gồm:

- Trong thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tiết kiệm 8.960,5 triệu đồng (tổng giá trị các gói thầu đơn vị trình 225.164,9 triệu đồng, giá trị phê duyệt 216.204,4 triệu đồng, chênh lệch 8.960,5 triệu đồng), trong đó tiết kiệm trong phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung cấp Bộ là 278,5 triệu đồng.

- Trong đấu thầu lựa chọn nhà thầu tiết kiệm 1.043,4 triệu đồng, trong đó tiết kiệm đấu thầu tập trung là 48,98 triệu đồng.

c) Tiếp tục đôn đốc yêu cầu các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ LĐTBXH rà soát, báo cáo và lập phương án xử lý đối với các tài sản thuộc các dự án đã kết thúc nhưng chưa xử lý theo quy định.

4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý trụ sở làm việc, nhà ở công vụ.

a) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019.

- Thực hiện Quyết định số 1897/QĐ-TTg ngày 31/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019, Quyết định số 2118/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quyết định số 1629/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ đã triển khai công tác phân bổ vốn đầu tư công tại Quyết định số 2159/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2018 và đã thông báo vốn năm 2019 cho các chủ đầu tư với tổng số vốn là 347.730 triệu đồng, phân bổ cho 27 dự án (gồm: 02 dự án chuẩn bị đầu tư, 08 dự án hoàn thành, 14 dự án chuyển tiếp và 03 dự án khởi công mới) kịp thời trước ngày 31/12/2017 theo quy định của Luật Ngân sách, đảm bảo đúng định hướng cơ cấu cầu theo ngành, theo nhiệm vụ Nhà nước giao và tuân thủ nguyên tắc tập trung dứt điểm,

không dàn trải, việc phân bổ vốn cho từng dự án đã căn cứ tổng mức vốn được giao và yêu cầu tiến độ để đảm bảo thời gian đối với từng dự án theo quy định. Bộ thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019. Thực hiện nghiêm tiết kiệm 10% tổng mức đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 89/NQ-CP. Kết quả, trong năm 2019 tổng giá trị giải ngân của Bộ đạt 87% kế hoạch (chưa bao gồm 46 tỷ vốn đề nghị kéo dài sang năm 2020 theo quy định).

- Công tác đấu thầu, quyết toán dự án được nâng cao, không có sai phạm xảy ra, tăng cường công tác phân cấp cho Chủ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ. Trong năm 2019, Bộ LĐT BXH đã hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức đấu thầu cho 250 gói thầu với tổng giá trị gói thầu là 357.178 triệu đồng, tổng giá trị trúng thầu là 354.312 triệu đồng, tiết kiệm 1.898 triệu đồng so với giá trị gói thầu được duyệt. Qua quyết toán dự án hoàn thành cho 08 dự án trong năm 2019 với tổng giá trị phê duyệt là 419.305 triệu đồng, tiết kiệm 663 triệu đồng so với giá trị chủ đầu tư đề nghị.

b) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp các cơ sở nhà đất thuộc Bộ theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Yêu cầu tất cả các đơn vị báo cáo kê khai, đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với tất cả các cơ sở nhà đất, công trình và các tài sản khác gắn liền với đất của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ đang quản lý, sử dụng. Kết hợp công tác kiểm tra, quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm với việc kiểm tra công tác quản lý, tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc. Qua kiểm tra, về cơ bản các đơn vị thuộc Bộ LĐT BXH sử dụng trụ sở làm việc đúng mục đích, đúng đối tượng đảm bảo bằng và thấp hơn tiêu chuẩn, định mức quy định, chấn chỉnh các tồn tại đối với việc sử dụng trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết, cho thuê, đã yêu cầu chấm dứt đối với các trường hợp sử dụng không theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 162/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tiếp tục xử lý, xin ý kiến các đơn vị liên quan (Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) phương án xử lý, sắp xếp các cơ sở nhà đất của Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II để chuyển thành công ty cổ phần theo Công văn số 58/TTg-ĐMDN ngày 08/1/2016 và phương án sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà đất của các doanh nghiệp thuộc Bộ để thoái vốn theo lộ trình của Chính phủ tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020 (Công văn số 4362/LĐT BXH-KHTC ngày 11/10/2019 về việc đề nghị trả lời phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Bố trí, sắp xếp trụ sở làm việc cho các đơn vị thuộc Bộ tại các cơ sở nhà đất mới tiếp nhận tại 37A Nguyễn Bình Khiêm, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, hiệu quả. Tiếp tục rà soát, quy hoạch, xây mới trụ sở làm việc để bố trí, sắp xếp cho các đơn vị thuộc Bộ (Bộ đã tiến hành cải tạo sửa chữa các cơ sở 35 Trần Phú, 12 Ngô Quyền; phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở liên cơ quan Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 1623/QĐ-LĐT BXH ngày 31/10/2019,...).



5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng thời gian sử dụng lao động.

a) Tiếp tục đổi mới cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ LĐTBXH theo hướng tăng cường phân cấp và tăng cường tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, tổ chức biên chế, tài chính trên cơ sở tính tới đặc điểm của từng loại hình dịch vụ, khả năng và nhu cầu thị trường, trình độ quản lý. Triển khai tích cực, hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 14997/BTC-HCSN ngày 10/12/2019 về phân loại và giao quyền tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019, Bộ đã ban hành Quyết định số 1949/QĐ-LĐTBXH, 1950/QĐ-LĐTBXH, 1951/QĐ-LĐTBXH, 1952/QĐ-LĐTBXH ngày 27/12/2019 giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với 36 đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ (gồm: 06 đơn vị tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên, 24 đơn vị tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên, 06 đơn vị do ngân sách đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên), đối với các đơn vị còn lại đang báo cáo, làm rõ mức độ tự chủ trước khi quyết định.

b) Khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ LĐTBXH đẩy mạnh hoạt động theo cơ chế tự chủ, tiến tới tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên, chi đầu tư, hạch toán như doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản và cung cấp dịch vụ công với chất lượng tốt hơn.

c) Rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ LĐTBXH và các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH, đảm bảo cơ cấu tổ chức, đội ngũ công chức, viên chức của Bộ LĐTBXH và các đơn vị gọn nhẹ, hiệu quả, không đề xuất thành lập mới các tổ chức, quyết liệt tham mưu thu gọn các tổ chức trung gian, tránh phát sinh biên chế, chi phí hành chính và chi phí mua sắm tài sản trang thiết bị.

Đồng thời đã triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/04/2015 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18, 19 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Bộ đã ban hành nhiều văn bản triển khai, đồng thời tiếp tục thực hiện Kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021 tại Quyết định số 1108/QĐ-LĐTBXH ngày 11/8/2015, Quyết định số 1155/QĐ-LĐTBXH ngày 05/9/2018..., kết quả trong năm 2019:

- Thực hiện Quyết định số 1155/QĐ-LĐTBXH ngày 05/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ đã kiện toàn, thu gọn tổ chức bên trong của một số đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ. Khối hành chính đã giải thể 10 phòng ở 03 Vụ Tổ chức cán bộ, Pháp chế, Hợp tác quốc tế (tại các Quyết định số 208/QĐ-LĐTBXH, 209/QĐ-LĐTBXH, 210/QĐ-LĐTBXH ngày 28/02/2019); giảm 01 phòng tại Cục Trẻ em (Quyết định số 1198/QĐ-LĐTBXH ngày 23/8/2019). Khối đơn vị sự nghiệp đã giảm 36 đầu mối cấp phòng ở các đơn vị: Trường Đại học Lao động - Xã hội (Quyết định số 500/QĐ-LĐTBXH ngày 08/4/2019), theo đó đã thực hiện tinh gọn 18/63 đầu mối; Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định (Quyết định số 509/QĐ-LĐTBXH ngày 09/4/2019), tinh gọn

được 08/24 đầu mối; Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quyết (Quyết định số 509/QĐ-LĐTBXH ngày 10/4/2019), tinh gọn được 04 phòng, khoa; Báo Lao động – xã hội (Quyết định số 1046/QĐ-LĐTBXH ngày 26/7/2019), tinh gọn được 01 đầu mối; Cục trẻ em (Quyết định số 1198/QĐ-LĐTBXH ngày 23/8/2019), tinh gọn được 01 đầu mối; chấm dứt hoạt động Văn phòng Quốc gia về người cao tuổi tại Quyết định số 07/QĐ-LĐTBXH ngày 28/8/2019; đang hoàn thiện dự thảo Quyết định kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nghề kỹ thuật công nghệ, dự kiến giảm 07 phòng, khoa.

- Quyết định phân bổ biên chế các đơn vị hành chính năm 2020 tại Quyết định số 1831/QĐ-LĐTBXH ngày 06/12/2019 theo hướng giảm 15 biên chế; đang xây dựng phân bổ số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ năm 2020, dự kiến cắt giảm 59 biên chế.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021 theo Quyết định số 1108/QĐ-LĐTBXH ngày 11/8/2015 và tổ chức thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, đẩy mạnh chế độ công vụ; năm 2019 chỉ tiêu biên chế công chức được giao là 710 biên chế (giảm 15 người so với số biên chế được giao năm 2018), số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo năm 2019 là 2.735 người (tại Quyết định số 2370/QĐ-BNV ngày 09/10/2018 ngày 10/8/2018 của Bộ Nội Vụ, giảm 59 người so với số giao năm 2018), kết quả trong năm 2019 đã tinh giản 16 trường hợp (01 công chức và 15 viên chức).

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, khuyến khích đẩy mạnh chuyển đổi thêm 10% số lượng người làm việc sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp.

d) Tiếp tục triển khai danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Bộ theo Quyết định số 1696/QĐ-BNV ngày 28/6/2016 phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đảm bảo số lượng biên chế phù hợp, đội ngũ công chức gọn nhẹ, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao. Đồng thời tham gia ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương (theo Công văn số 8215-CV/BTCTW ngày 30/5/2019), Bộ Nội vụ (theo Công văn số 3692/BNV-TCBC ngày 09/8/2019) về vị trí việc làm công chức trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 4189/LĐTBXH-TCCB ngày 30/9/2019.

- Tiếp tục triển khai xây dựng quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành tại Công văn số 4144/LĐTBXH-KHTC ngày 25/9/2019 về việc xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia, bám sát các cơ quan đơn vị liên quan để trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định phê duyệt hoặc tự phê duyệt theo thẩm quyền được phân cấp (trong năm 2019 đã trình Thủ tướng Chính phủ thành lập các hội đồng thẩm định như: Tờ trình số 92/TTr-LĐTBXH ngày 09/12/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Tờ trình số 100/TTr-LĐTBXH ngày 26/12/2019 về việc thành lập hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời



kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050..., Thủ tướng đã có Quyết định số 1905/QĐ-TTg ngày 26/12/2019 thành lập hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 09/01/2020 thành lập hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050...).

- Tiếp tục các bước để chuyển đổi 03 Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn thuộc Bộ thành công ty cổ phần theo Công văn số 58/TTg-ĐMDN ngày 08/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ LĐTBXH chuyển thành công ty cổ phần. Bộ đã phê duyệt giá trị Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực I tại Quyết định số 2012/QĐ-LĐTBXH và giá trị Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực III tại Quyết định số 2013/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2019 để làm cơ sở Cổ phần hóa. Đối với Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II, hiện nay đang chờ ý kiến trả lời của Bộ Tài chính, UBND thành phố Hồ Chí Minh phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa trước khi phê duyệt.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xác định các nhiệm vụ cụ thể cần tập trung chỉ đạo thực hiện cho năm 2019 và giai đoạn 2018 - 2020, trong đó tập trung rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính (TTHC) thuộc các lĩnh vực của Bộ, ngành có tác động nhiều đến người dân, doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chính phủ; tăng cường cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành của Bộ, của từng đơn vị. Xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; cải cách bộ máy hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ. Thực hiện rà soát các thủ tục hành chính để cắt giảm, cắt bỏ, đơn giản hóa các thủ tục hành chính (TTHC) theo kế hoạch ban hành tại Quyết định số 131/QĐ-LĐTBXH ngày 30/01/2019, kết quả:

- Ban hành 10 Quyết định công bố TTHC trong các lĩnh vực an toàn lao động, giáo dục nghề nghiệp, người có công, phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo trợ xã hội, việc làm, quản lý lao động ngoài nước, quan hệ lao động và tiền lương, theo đó công bố 38 TTHC được sửa đổi theo hướng đơn giản hóa, 32 TTHC được bãi bỏ, đưa ra khỏi danh mục và 18 TTHC ban hành mới.

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 quy định chi tiết thi hành Khoản 3 Điều 54 Bộ luật Lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động, theo đó đã thực thi cắt giảm, đơn giản hóa 28 điều kiện kinh doanh trong các ngành, nghề thuộc phạm vi chức năng quản lý.

- Ban hành Quyết định số 789/QĐ-LĐTBXH ngày 06/6/2019 về việc công bố Danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh và Danh mục sản phẩm hàng hóa kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

- Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích tại các đơn vị có giải quyết TTHC thuộc Bộ tại Công



văn số 137/LĐT BXH-VP ngày 08/4/2019 (trong năm 2019, số lượng hồ sơ tiếp nhận ước trên 2.000 hồ sơ, số lượng chuyển trả kết quả ước trên 4.200 hồ sơ).

e) Tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý theo Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ, Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ, Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025. Bộ đã ban hành Quyết định số 1834/QĐ-LĐT BXH ngày 21/12/2018 phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ năm 2019, Quyết định số 792/QĐ-LĐT BXH ngày 07/6/2019 phê duyệt Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ, một số kết quả cụ thể:

- Khai trương Hệ thống thông tin Bộ với Người dân và Doanh nghiệp được xây dựng tại địa chỉ <http://bovoinddn.molisa.gov.vn> với mục tiêu giảm tối đa việc sử dụng văn bản giấy trong việc tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị, hỏi đáp chính sách của người dân, doanh nghiệp, cử tri và Đại biểu Quốc hội; lập và quản lý hồ sơ điện tử của các phản ánh, kiến nghị, lập báo cáo thống kê và phân tích phản ánh, kiến nghị phục vụ công tác nghiên cứu, xây dựng văn bản QPPL của Bộ hàng năm và thực hiện kết nối, liên thông Hệ thống với Hệ thống Bộ với Người dân và Doanh nghiệp của Chính phủ, với các đơn vị liên quan, tiến tới áp dụng chữ ký số trên Hệ thống Bộ với Người dân và Doanh nghiệp.

- Cập nhật kịp thời tin tức, sự kiện (khoảng 1.500 tin, bài, với gần 1.400 vấn đề cần có sự giải đáp nhằm cung cấp kịp thời các thông tin của từng lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành), văn bản quy phạm pháp luật (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) thuộc lĩnh vực của Bộ, ngành (năm 2019 cập nhật 40 văn bản quy phạm pháp luật, 250 văn bản chỉ đạo, điều hành và 53 dự thảo văn bản) trên Cổng thông tin điện tử Bộ thuận tiện cho việc tra cứu, theo dõi, cung cấp dữ liệu trong công tác chỉ đạo điều hành và công tác nghiên cứu của các đơn vị trong Bộ, từng bước đa dạng hóa kênh thông tin đến với người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục Triển khai Đề án Hệ tri thức Việt số hóa trong năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội tại Quyết định số 655/QĐ-BLĐTBXH ngày 14/5/2019. Đã cập nhật 50 tin, bài hỏi - đáp về các lĩnh vực của Bộ, ngành, 115 dữ liệu lên phân hệ dữ liệu mở của Hệ tri thức Việt số hóa.

- Cung cấp hơn 13 dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, mức độ 4 tương đương 30 thủ tục hành chính trên tổng số 120 thủ tục hành chính ở cấp Trung ương do Bộ trực tiếp quản lý. Trong năm 2019 các dịch vụ công trực tuyến đã tiếp nhận và xử lý hơn 49.000 hồ sơ trực tuyến trên tổng số 56.000 hồ sơ tiếp nhận (đạt 87%).

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật thực hiện hội nghị trực tuyến do Đảng ủy Bộ tổ chức, lắp đặt hệ thống Wifi tập trung, triển khai hệ thống điều hành trực tuyến, nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống thư điện tử (@molisa.gov.vn), đảm bảo Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ vận hành tương đối ổn định, tiếp tục hỗ trợ các đơn vị về tài nguyên hệ thống, phần mềm ứng dụng và cơ sở dữ liệu..... Tiếp tục hỗ trợ các đơn vị sử dụng phần mềm ứng dụng (phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ của



Vụ Tổ chức cán bộ, eThanhtra của Thanh tra Bộ, eMolisa 6.0, eGDNN của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp, eATLĐ của Cục An toàn lao động,....).

- Ứng dụng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm tổng hợp báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ do công ty Cổ phần Misa cung cấp, xây dựng trung tâm lưu trữ cơ sở dữ liệu quản lý AND tại Cục Người có công, phần mềm tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp...

Trong năm 2018, mức độ ứng dụng CNTT của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đứng thứ 6 trong số các Bộ, ngành (tăng 2 bậc so với năm 2017).

6. Công tác thanh tra, kiểm tra trong năm

Năm 2019, Thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBXH) đã triển khai 7.472 cuộc thanh tra (tăng 6,96% so với năm 2018). Qua thanh tra, ban hành 43.081 kiến nghị (tăng 3,94% so với năm 2018); 1.497 quyết định xử phạt vi phạm hành chính (tăng 39,1% so với năm 2018) với tổng số tiền xử phạt là 47,246 tỷ đồng (tăng 46,57% so với năm 2018); kiến nghị đình chỉ trợ cấp do các địa phương, quân khu giải quyết, thu hồi số tiền hưởng sai chế độ chính sách ưu đãi người có công với cách mạng 161,548 tỷ đồng (giảm 13,6% so với năm 2018); kiến nghị truy trả số tiền 949,333 triệu đồng cho đối tượng bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy; kiến nghị truy thu số tiền 423,400 triệu đồng do người sử dụng lao động trích đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế không đúng mức quy định.

7. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

- Triển khai thoái vốn nhà nước theo kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020.

- Tiếp tục yêu cầu doanh nghiệp tiếp tục rà soát lại các hoạt động sản xuất kinh doanh tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tiết giảm chi phí quản lý, sắp xếp, bố trí sử dụng hiệu quả bộ máy tổ chức, nhân sự; tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp, tăng lợi nhuận bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Kết quả trong năm 2019 Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Lao động – Xã hội đã tiết kiệm chi phí sản xuất (so với kế hoạch) là 217 triệu đồng (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

8. Phân tích, đánh giá

8.1. Kết quả đạt được

- Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện pháp luật về THTK, CLP đảm bảo thời gian, nội dung theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính; công tác phổ biến, tuyên truyền THTK, CLP với các hình thức đa dạng, linh hoạt, đạt chất lượng, hiệu quả cao hơn, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và đặc biệt là vai trò tiên phong gương mẫu của người đứng đầu các cấp về công tác THTK, CLP được phát huy. Các chỉ tiêu, mục tiêu, giải pháp ngày càng được cụ thể hóa, triển khai kịp thời, đồng bộ, đạt

chất lượng như cải cách thủ tục hành chính, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Lao động, người có công và xã hội, tạo hành lang pháp lý phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tốt chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính, quản lý, sử dụng tài sản công, ứng dụng công nghệ thông tin, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế... công tác THTK, CLP dần trở thành công việc thường xuyên, liên tục và đạt kết quả tích cực.

- Bộ, các đơn vị thuộc Bộ đã xác định và đưa nhiệm vụ THTK, CLP là trọng tâm trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm. Bước đầu đã đạt được kết quả khả quan, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong Bộ LĐTBXH. Hầu hết các đơn vị đã ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019, trên cơ sở đó thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính mới ban hành; đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tạo điều kiện cho cán bộ, công chức giám sát, xây dựng phương án chi trả thu nhập, thực hiện tốt công tác công khai tài chính, tài sản góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách hành chính.

- Tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí là động lực, mục tiêu của các đơn vị trong cải tiến phương pháp, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ để thực hiện chính sách tiền lương, nâng cao thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Qua công tác thẩm định, xét duyệt quyết toán hàng năm, về cơ bản các đơn vị đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định hiện hành của nhà nước trong quản lý, sử dụng ngân sách, mua sắm, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc..., góp phần nâng cao hiệu quả công tác, quản lý, sử dụng tiền, tài sản nhà nước tại các đơn vị trực thuộc Bộ LĐTBXH. Đối với các tồn tại, Bộ đã kịp thời chấn chỉnh, yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ LĐTBXH rút kinh nghiệm, thực hiện đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức của nhà nước.

- Năm 2019 đã tiết kiệm được số tiền 21.522,71 triệu đồng (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

8.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở một vài đơn vị còn chung chung, chưa gắn với kế hoạch, chương trình công tác năm, không xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tiết kiệm cụ thể, chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo tiết kiệm, chưa bám sát vào đặc điểm, đặc thù của từng đơn vị để đặt ra chương trình hành động thiết thực.

- Báo cáo định kỳ về công tác THTK, CLP của một số đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH thực hiện chưa đầy đủ theo quy định và hướng dẫn của Bộ. Nội dung báo cáo còn chung chung, chưa đúng thời gian quy định và chưa đạt yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, chưa nêu bật được kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong năm, chưa có số liệu cụ thể chứng minh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chưa tự đánh giá, lượng hóa chấm điểm kết quả THTK, CLP năm.

- Chưa phân tích đánh giá cụ thể về kết quả tiết kiệm, chống lãng phí và kết quả thực hiện các chỉ tiêu THPTK, CLP đã đề ra trong quản lý, sử dụng kinh phí NSNN, tài sản... cũng như những tồn tại, hạn chế, đề xuất phương hướng xử lý trong công tác THPTK, CLP.

- Hệ thống tiêu chuẩn, định mức, định mức kinh tế kỹ thuật chưa đầy đủ dẫn tới chưa có cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả, chất lượng của thực hiện nhiệm vụ, làm cơ sở đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Sự tham gia giám sát của các thành phần, tổ chức đoàn thể tại đơn vị trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí còn hạn chế.

8.3. Những kinh nghiệm rút ra

- Xây dựng kịp thời hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, góp phần thực hiện tốt công tác THPTK, CLP. Hoàn thiện hơn nữa hệ thống tiêu chuẩn, định mức, chế độ để làm cơ sở đánh giá kết quả THPTK, CLP.

- Nâng cao hiệu quả trong công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các đơn vị, bộ, ngành. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, các đoàn thể quản lý trong việc triển khai thực hiện THPTK, CLP, đi đôi với thực hiện và phát huy cơ chế tự chủ tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Xây dựng kế hoạch THPTK, CLP với mục tiêu, nhiệm vụ và những giải pháp hết sức cụ thể, rõ ràng, tổng thể, quyết liệt và triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc kế hoạch đã đề ra.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, phát huy đúng mức vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, đặc biệt là người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chú trọng nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm công chức, viên chức và người lao động về pháp luật THPTK, CLP, nhất là vai trò tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức có chức vụ lãnh đạo, đảng viên đảng Cộng sản Việt Nam trong công tác THPTK, CLP.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng các cấp trong việc chấp hành pháp luật về THPTK, CLP, thường xuyên chỉ đạo công tác tự kiểm tra về tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị. Xử lý kịp thời và nghiêm túc, cá nhân vi phạm.

- Công khai, minh bạch, quy chế dân chủ cơ sở theo đúng quy định trong quản lý, sử dụng ngân sách, tiền, tài sản công; phân công nhiệm vụ, phân bổ, sử dụng nguồn lao động. Nâng cao vai trò giám sát của Ban thanh tra nhân dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai trong năm tiếp theo.

1. Tập trung việc xây dựng, hoàn thiện thể chế tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho công tác quản lý, THPTK, CLP. Thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp để khắc phục các tồn tại, chuẩn bị các nguồn lực thực hiện, đảm bảo hoàn thành chương trình công tác năm 2020 của Bộ ban hành tại Quyết định số 01/QĐ-LĐTĐ ngày 02/01/2020, tạo cơ sở để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình THPTK, CLP năm 2020 và Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2016-

2020, đồng thời đạt 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ được Quốc hội, Chính phủ giao năm 2020.

2. Tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh tuyên truyền quy định về THPT, CLP tới các đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bằng nhiều hình thức sinh động, đa dạng, lồng ghép với triển khai thực hiện nhiệm vụ năm theo tinh thần Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các chương trình tổng thể của Chính phủ, chương trình hành động của Bộ về tăng cường thực hành Tiết kiệm, chống lãng phí bằng những chương trình, nhiệm vụ cụ thể đối với các lĩnh vực của Bộ, ngành. Tạo sự chuyên hóa trong nhận thức và hành động của lãnh đạo đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH để đạt kết quả cao nhất trong THPT, CLP.

4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Ban Cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ LĐTBXH gắn với việc phát huy đúng mức vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị và cấp ủy các tổ chức cơ sở Đảng thuộc Đảng bộ Cơ quan Bộ LĐTBXH.

5. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, quy hoạch, sắp xếp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Quyết định số 1155/QĐ-LĐTBXH ngày 05/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ: Thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ, ngành tinh gọn, hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị, thực hiện tốt cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; hoàn thành, đưa vào vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ, tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 nhằm nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

6. Tăng cường kỷ cương, công khai minh bạch và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật; triển khai đồng bộ, có hiệu quả phương thức mua sắm tập trung; mua sắm qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng ngân sách, mua sắm tài sản công, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các tồn tại, khắc phục hậu quả.

8. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức, chế độ làm cơ sở cho THPT, CLP; quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công. Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá; đưa nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ từng cơ quan, đơn vị.

9. Đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý; gắn THTK, CLP với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong THTK, CLP. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động toàn ngành, kết hợp với thực hiện học tập và làm theo tấm gương, đạo đức, phong cách, tư tưởng Hồ Chí Minh về Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

10. Tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, nêu gương điển hình trong công tác THTK, CLP hàng năm.

IV. Đề xuất, kiến nghị về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Qua tổng kết, đánh giá hằng năm cần nêu gương người tốt trong việc THTK, CLP để các cơ quan, tổ chức học tập kinh nghiệm và nhân rộng mô hình.

2. Các Bộ, ngành nghiên cứu sớm trình Chính phủ ban hành các Nghị định, Thông tư quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, tổ chức bộ máy, biên chế trước đây để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đồng thời ban hành đầy đủ các chế độ, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách, hệ thống chỉ tiêu báo cáo thống nhất, tránh chồng chéo, trùng lặp giữa các lĩnh vực làm cơ sở để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác và THTK, CLP.

3. Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan theo hướng cho phép đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên được ký hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện các nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước; đồng thời quy định rõ về chính sách đối với người làm việc theo hợp đồng lao động tương đương như viên chức, nhất là trong quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách. Đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, đề nghị không giao số lượng người làm việc cụ thể; đồng thời thống nhất về bổ sung vào dự toán kinh phí hằng năm để đảm bảo duy trì các hoạt động hỗ trợ, phục vụ theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Trung tâm thông tin (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ KH-TC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**



Phạm Quang Phụng



PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2019 CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Công văn số **528/LĐTĐ-XH-KHC** ngày **17** tháng **02** năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C+D)	100	90
A.	Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
I	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5
1	Sự kịp thời trong việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của Bộ, cơ quan ở Trung ương	2,5	2,5
-	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	2,5	2,5
-	Sau từ 31 - 60 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	2	0
-	Sau từ 61 ngày trở lên kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	1,5	
-	Không ban hành	0	
2	Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	2,5	2,5
-	Đề ra mức chi tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên bằng hoặc cao hơn chi tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	2,5	2,5
-	Đề ra mức chi tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên thấp hơn chi tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	0	
II	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5
1	Có ban hành, trong đó có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	5	5
2	Có ban hành nhưng không có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	4	
3	Không ban hành	0	
B.	Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	40	30
I	Tiết kiệm kinh phí các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam tại Bộ, cơ quan trung ương	5	5
II	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	20	15
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	15	15
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
III	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền	5	0

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Đã thực hiện khoán	5	0
	Chưa thực hiện khoán	0	0
IV	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
C	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	40	40
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	20	20
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	20	20
2	Từ 50 %- 80 % số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	15	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	10	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	5	
II	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Bộ thuộc loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên: Các Bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tỷ lệ % đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	20	20
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	20	20
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
D.	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	3	3
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	5	5
I	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	3	3

PHỤ LỤC 02
KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHÓNG LÃNG PHÍ NĂM 2019
 (Kèm theo Công văn số **528** /ĐTBNH-KHHC ngày **17** tháng **02** năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước	Kế hoạch năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	TRONG VIỆC BAN HÀNH, THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC, TIÊU CHUẨN, CHẾ ĐỘ		2	1	1			
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	2	1	1			
II	TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NSNN		37.701,43	16.996,54	17.856,61	45,08	105,06	
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		9.754,44	0	0	-	-	
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	684,44	0	0	-	-	
1.4	Các nội dung khác		9.070,00	0	0	-	-	
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		26.227,04	15.566,54	15.895,61	59,35	102,11	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		23.002,99	14.276,54	13.841,45	62,06	96,95	
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	triệu đồng	1.424,11	400,62	319,46	28,13	79,74	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	triệu đồng	1.402,99	726,13	684,14	51,76	94,22	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	triệu đồng	874,49	669,77	611,94	76,59	91,37	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	triệu đồng	906,53	322,03	289,10	35,52	89,77	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	triệu đồng	466,41	543,90	462,92	116,62	85,11	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	triệu đồng	1.019,96	560,04	588,81	54,91	105,14	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	triệu đồng	812,97	376,45	346,12	46,31	91,94	
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	triệu đồng	863,72	578,28	531,38	66,95	91,89	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	triệu đồng	15.231,81	10.099,32	10.007,57	66,30	99,09	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		40,66	15,00	8,50	36,89	56,67	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	-	110,00	81,00	-	-	
	<i>Các nội dung khác</i>	triệu đồng	40,66	-	-	-	-	#DIV/0!
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	2.266,39	650,00	798,66	28,68	122,87	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	767,00	550,00	1.232,00	71,71	224,00	
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	150,00	75,00	15,00	-	20,00	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ		1.564,33	342,00	342,00	21,86	100,00	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	1.564,33	342,00	342,00	21,86	100,00	
4	Các nội dung khác		155,62	1.088,00	1.619,00	699,14	148,81	
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	195,00	4,00	4,00			
IV	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NSNN, TIỀN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC		8.116,63	3.666,10	3.666,10	45,17	100,00	
2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:		8.116,63	3.666,10	3.666,10	45,17	100,00	
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	403,63	-	-	-	-	#DIV/0!
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh,...</i>	triệu đồng	7.119,00	2.729,00	2.729,00	38,33	100,00	
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	594,00	937,10	937,10	157,76	100,00	
1.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	191.745,500	191.745,50	191.745,50	-	-	
	Tổng cộng		45.818,06	20.662,64	21.522,71			

Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt, mức khoán chi được duyệt

KẾT QUẢ THỰC HÀNH THIẾT KẾ M, CHỐNG LÃNG PHÍ
Năm 2018

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	97,00	105,00	98,00	101,03	93,33	
2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	14,00	20,00	17,00	121,43	85,00	
2.1	Tiết kiệm điện	Kw/h	670,00	700,00	675,00	100,75	96,43	
2.2	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	575,00	600,00	580,00	100,87	96,67	
3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	100,00	110,00	102,00	102,00	92,73	
4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
II	Quản lý đầu tư xây dựng							
1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
3.1	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
3.2	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
3.3	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
3.4	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
4.1	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
4.2	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
5	Các nội dung khác							
III	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ Ngân sách nhà nước							
1	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
IV	Mua sắm phương tiện							
1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con			5	5	5		
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
1.3	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	chiếc						
1.4	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
1.5	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
2.1	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
2.2	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
V	Nợ phải thu khó đòi							
1	Số đầu kỳ	triệu đồng	7.000,00	6.500,00	7.000,00	100,00	107,69	
2	Số cuối kỳ	triệu đồng	7.000,00	6.500,00	7.000,00	100,00	107,69	
VI	Vốn chủ sở hữu							
1	Số đầu năm	triệu đồng	9.747,00	7.833,00	7.833,00	80,36	100,00	
2	Số cuối kỳ	triệu đồng	7.833,00	7.333,00	7.953,00	101,53	108,45	



PHỤ LỤC 04

(Ban hành kèm theo Công văn số 528/LĐTBXH-KHTC ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

**KẾT QUẢ XỬ LÝ HÀNH VI LĂNG PHÍ
Năm 2019**

Đơn vị	Thông tin phát hiện lãng phí nhận được, vụ việc lãng phí trong kỳ báo cáo			Tổng số vụ việc đã giải quyết	Đã xử lý								Chưa xử lý			Ghi chú	
	Tổng số	Trong đó			Bồi thường thiệt hại		Xử lý hành chính		Xử lý kỷ luật		Chuyển hồ sơ xử lý hình sự			Số vụ chưa xử lý	Số người chưa xử lý		Nguyên nhân
		Thông tin phát hiện lãng phí nhận được	Vụ việc lãng phí		Số người phải bồi thường	Số tiền bồi thường (triệu đồng)	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc đã chuyển hồ sơ xử lý hình sự	Số vụ đã khởi tố	Số đối tượng đã khởi tố				
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng																	